

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

Địa chỉ: GIA, KP4, đường Đồng Khởi, P.Tân Hiệp, TP.Biên Hòa, Đồng Nai

*Báo cáo của Ban Giám đốc và
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán*

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

Quý 4 năm 2009



Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08). 38205.944 - 38205.947; Fax: 38205.942

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

Địa chỉ: G1A, KP4, đường Đồng Khởi, P.Tân Hiệp, TP.Biên Hòa, Đồng Nai

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 04
Báo cáo Kiểm toán	05
Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	06 – 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý 4 năm 2009	0
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý 4 năm 2009	11 – 12
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý 4 năm 2009	13 – 26



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

Địa chỉ: G1A, KP4, đường Đồng Khởi, P.Tân Hiệp, TP.Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên được chuyển đổi từ công ty TNHH Thép Tiến Lên có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4702000255 cấp ngày 22 tháng 11 năm 2001 thành công ty cổ phần; Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 3600512830 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 8 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa, vật liệu xây dựng, sắt, thép, nhôm, đồng nguyên liệu, ống nước, thiết bị cấp nước trong nhà, thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế, máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp và phụ tùng thay thế, hàng trang trí nội thất. Môi giới thương mại. Bốc xếp hàng hóa. Vận tải hàng hóa đường bộ. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, thủy lợi. San lấp mặt bằng. Lắp trang thiết bị cho các công trình xây dựng. Gia công cơ khí. Sửa chữa máy nông nghiệp (không bao gồm sửa chữa tại trụ sở). Tư vấn, thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp. Bổ sung: Mua bán ô tô, phụ tùng ô tô. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Kinh doanh bất động sản, kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại cơ sở). Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Kinh doanh khu thương mại- dịch vụ, khu du lịch sinh thái (không kinh doanh tại trụ sở). Đầu tư kinh doanh cầu, cảng, bến bãi, kho bãi, nhà xưởng. Trồng rừng và khai thác rừng trồng. Mua bán, chế biến gỗ (từ nguồn gỗ hợp pháp và không chế biến tại trụ sở).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị

- Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Quang	Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Anh Hùng	Ủy viên HĐQT
- Ông Đào Đức Toàn	Ủy viên HĐQT

Ban kiểm soát

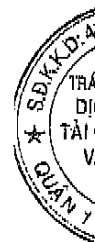
- Bà Trương Thị Thu Hiền	Trưởng Ban kiểm soát
- Bà Lê Thị Hồng Liễu	Thành viên ban kiểm soát
- Bà Cao Thị Hoài Thu	Thành viên ban kiểm soát

Ban tổng giám đốc

- Bà Phạm Thị Hồng	Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Quang	Phó tổng giám đốc
- Ông Dương Quang Bình	Phó tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Anh Hùng	Phó tổng giám đốc
- Bà Đào Thị Kim Loan	Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

Địa chỉ: G1A, KP4, đường Đồng Khởi, P.Tân Hiệp, TP.Biên Hòa, Đồng Nai

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

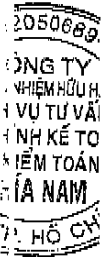
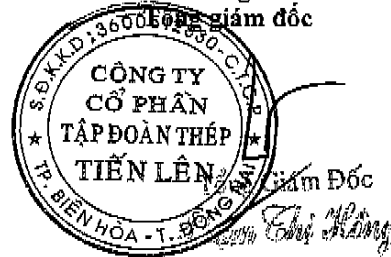
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Biên Hòa, ngày 04 tháng 02 năm 2010

TM. Ban Tổng Giám Đốc





**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: 38.205.944 - 38.205.917 * Fax: 38.205.942
Email: info@aascs.com.vn * Website: www.aascs.com.vn

Số: 65/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2009 của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Kính gửi: - Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên
- Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được lập ngày 04 tháng 02 năm 2010 của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên từ trang 06 đến trang 26 kèm theo

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Chúng tôi xin lưu ý rằng Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên được chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên. Và theo yêu cầu của đơn vị, chúng tôi phát hành báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất cho quý 4 năm 2009 của giai đoạn công ty cổ phần. Do đó số liệu liên quan trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu của quý 4 năm 2009 (số liệu này không bao gồm số liệu trên báo cáo kết quả kinh doanh của 9 tháng đầu năm 2009) và số dư đầu kỳ là số dư tại ngày 30/09/2009 của giai đoạn công ty trách nhiệm hữu hạn.

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2010

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)



Tổng Giám đốc

Đ. Khắc Thanh
Chung chi KTV Đ0064/KTV

Kiểm toán viên

Tạ Quang Tạo
Chung chi KTV Đ0055/KTV



Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Địa chỉ : G1A, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.377.130.325.319	925.164.117.060
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1.	29.110.715.693	26.720.221.986
1. Tiền	111		29.110.715.693	26.720.221.986
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2	105.180.075.000	
1. Đầu tư ngắn hạn	121	2.1	120.072.674.000	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129	2.2	(14.892.599.000)	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	3	673.184.445.845	424.797.985.119
1. Phải thu khách hàng	131	3.1	550.451.553.128	341.366.708.272
2. Trả trước cho người bán	132	3.2	75.416.658.913	13.429.660.247
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	3.3	47.316.233.804	70.001.616.600
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140	4	558.896.070.697	462.725.153.396
1. Hàng tồn kho	141		558.896.070.697	462.725.153.396
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	5	10.759.018.085	10.920.756.559
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.1	1.410.993.887	1.312.934.573
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.2		2.232.638.366
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.3	4.015.981	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	9.344.008.217	7.375.183.620
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260+269)	200		210.979.761.362	177.712.651.334
I- Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		160.971.650.670	113.750.320.340
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	85.237.180.103	93.037.121.320
- Nguyên giá	222		140.677.993.368	148.984.387.623
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(55.440.813.265)	(55.947.266.303)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
3. Tài sản cố định vô hình	227	7	17.319.795.803	17.336.499.256
- Nguyên giá	228		18.153.008.057	18.153.008.057
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(833.212.254)	(816.508.801)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	58.414.674.764	3.376.699.764
III. Bất động sản đầu tư	240			



Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Địa chỉ : G1A, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	48.000.000.000	55.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		48.000.000.000	48.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258			7.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260	10	2.008.110.692	8.962.330.994
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.1	1.654.788.130	1.249.571.265
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	10.2	352.722.562	7.712.159.729
3. Tài sản dài hạn khác	268	10.3	600.000	600.000
VII. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.588.110.086.681	1.102.876.768.394

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		805.673.450.474	524.903.358.380
I. Nợ ngắn hạn	310	11	805.499.899.187	524.729.807.093
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11.1	454.197.347.259	378.147.083.946
2. Phải trả người bán	312	11.2	280.869.805.154	105.490.356.394
3. Người mua trả tiền trước	313	11.3	485.125.865	1.989.737.473
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11.4	39.954.417.800	20.044.197.987
5. Phải trả người lao động	315	11.5	1.606.764.096	1.169.049.449
6. Chi phí phải trả	316			
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11.6	28.386.439.013	17.889.381.844
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II. Nợ dài hạn	330		173.551.287	173.551.287
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		173.551.287	173.551.287
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	12	771.307.370.286	565.678.648.060
I. Vốn chủ sở hữu	410		760.130.538.025	556.904.976.265
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		540.000.000.000	449.530.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		89.897.709.537	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(2.187.843.653)	

30500g
 CÔNG TY
 NIỆM HỮU
 VỤ TƯ V
 HÍNH KẾ T
 KIỂM TOA
 HIA NAI
 TP. HỒ C

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Địa chỉ : G1A, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

7. Quỹ đầu tư phát triển	417		
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	24.703.382.190	21.815.431.550
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	107.717.289.951	85.559.544.715
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	11.176.832.261	8.773.671.795
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	11.176.832.261	8.773.671.795
2. Nguồn kinh phí	432		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	11.129.265.921	12.294.761.954
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400+439)	440	1.588.110.086.681	1.102.876.768.394




Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiên Lữ

Địa chỉ : G1A, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

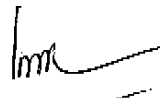
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược 4. Nợ khó đòi đã xử lý 5. Ngoại tệ các loại 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		11,322	62,241.01

Người lập biểu
(Ký, họ tên)


Đào Thị Kim Dung

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)


Kế toán Trưởng
ĐÀO THỊ KIM LOAN

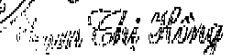
Lập, ngày 4 tháng 02 năm 2010

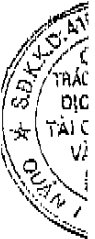
Tổng Giám Đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Tổng Giám Đốc


Đào Thị Kim Dung



Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Địa chỉ : G1A, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	11	800,119,245,184
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		11,678,445
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		800,107,566,739
4. Giá vốn hàng bán	11	12	711,178,583,894
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		88,928,982,845
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	13	24,845,261,837
7. Chi phí tài chính	22	14	34,006,633,464
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6,494,237,697
8. Chi phí bán hàng	24		5,594,647,651
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3,696,485,970
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		70,476,477,597
11. Thu nhập khác	31	15	12,840,812,835
12. Chi phí khác	32	16	5,916,943,523
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		6,923,869,312
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		77,400,346,909
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	17	14,144,523,078
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(239,891,566)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		63,495,715,397
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		1,175,273,426
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		62,320,441,971
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1,154

0506
CÔNG TY
NHIỆM VỤ TƯ
HÌNH KẾ
KIỂM TO
HÀ NỘI
CP. HỒ

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Đỗ Chi Kim Dung

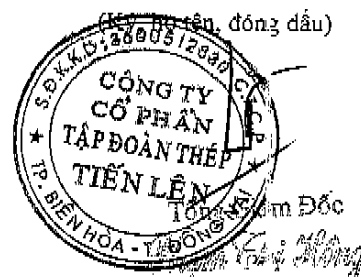
Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Đào Thị Kim Loan
Kế Toán Trưởng
ĐÀO THỊ KIM LOAN

Lập, ngày 04 tháng 03 năm 2010

Tổng Giám Đốc



Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Địa chỉ : G1A, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp) (*)

Quý 4 năm 2009

Đơn vị tính: VND

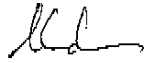
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	1		77.400.346.909
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	2		3.478.297.154
- Các khoản dự phòng	3		14.892.599.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		5.796.344.912
- Chi phí lãi vay	6		6.494.237.697
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		108.061.825.672
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(237.496.481.760)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(96.170.917.301)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		191.937.214.309
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(503.276.179)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6.494.237.697)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.331.705.234)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		16.184.094.845
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(936.847.711)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(26.750.331.057)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(55.053.275.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.400.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(163.233.400.816)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		35.943.420.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		504.090.232
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(181.837.765.584)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		180.367.709.537
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		326.500.004.484
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(267.956.497.445)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(27.786.224.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		211.124.992.576

Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiên Lên

Địa chỉ : GIA, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	2,536,895,935
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	26,720,221,986
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(146,402,228)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	29,110,715,693

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Đào Thị Kim Dung

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Kế Toán Trưởng
ĐÀO THỊ KIM LOAN

Lập, ngày 04 tháng 03 năm 2010

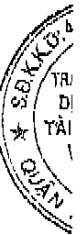
Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Tổng Giám Đốc

Đào Thị Hồng



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

Địa chỉ: G1A, KP4, đường Đồng Khởi, P.Tân Hiệp, TP.Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2009

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên được chuyển đổi từ công ty TNHH Thép Tiến Lên có chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4702000255 cấp ngày 22 tháng 11 năm 2001 thành công ty cổ phần; Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 3600512830 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 8 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 540.000.000.000 đồng (Năm trăm bốn mươi tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa, vật liệu xây dựng, sắt, thép, nhôm, đồng nguyên liệu, ống nước, thiết bị cấp nước trong nhà, thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế, máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp và phụ tùng thay thế, hàng trang trí nội thất. Môi giới thương mại. Bốc xếp hàng hóa. Vận tải hàng hóa đường bộ. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, thủy lợi. San lấp mặt bằng. Lắp trang thiết bị cho các công trình xây dựng. Gia công cơ khí. Sửa chữa máy nông nghiệp (không bao gồm sửa chữa tại trụ sở). Tư vấn, thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp. Bổ sung: Mua bán ô tô, phụ tùng ô tô. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Kinh doanh bất động sản, kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại cơ sở). Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Kinh doanh khu thương mại - dịch vụ, khu du lịch sinh thái (không kinh doanh tại trụ sở). Đầu tư kinh doanh cầu, cảng, bến bãi, kho bãi, nhà xưởng. Trồng rừng và khai thác rừng trồng. Mua bán, chế biến gỗ (từ nguồn gỗ hợp pháp và không chế biến tại trụ sở).

3. Các công ty con**3.1 Số lượng các công ty con được hợp nhất : 02****3.2 Danh sách các công ty con được hợp nhất****a. Công ty TNHH Thép Tây Nguyên**

Địa chỉ: Lô 12-14, Đường số 1 Khu Công Nghiệp Tân tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp.HCM

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ : 97,35 %

Quyền biểu quyết của công ty mẹ : 97,35 %

b. Công ty TNHH SX Thương Mại Đại Phúc

Địa chỉ: Lô 8 Song Hành, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, Tp.HCM

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ : 95,83 %

Quyền biểu quyết của công ty mẹ : 95,83 %

II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. **Niên độ kế toán** của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

32050E
CÔNG
CH NHIỆM
CH VỤ T
CHÍNH K
À KIỂM T
PHÍA N.
TP. HC

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

Địa chỉ: G1A, KP4, đường Đồng Khởi, P.Tân Hiệp, TP.Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Quý 4 năm 2009***III Chế độ kế toán áp dụng:**

1. **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. **Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

3. **Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất:**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đồng Việt nam (VND) phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán Việt Nam. Số liệu để lập báo cáo tài chính hợp nhất được lập từ các báo cáo tài chính của các công ty con.

4. **Các giao dịch bị loại khỏi báo cáo khi hợp nhất:**

- Các số dư giữa các khoản phải thu, phải trả giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng công ty bị loại bỏ;
- Doanh thu bán hàng, giá vốn cung cấp dịch vụ giữa các đơn vị trong cùng công ty;
- Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con và phần vốn của công ty mẹ tại công ty con.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. **Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển**

1.1 **Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:** Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2 **Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

2. **Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:**

2.1 **Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

Địa chỉ: G1A, KP4, đường Đồng Khởi, P.Tân Hiệp, TP.Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Quý 4 năm 2009*

2.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo ngày.

2.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

2.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Chưa lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1 Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2 Lập dự phòng phải thu khó đòi: Không phát sinh.

4. Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng: Không phát sinh.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế theo giá gốc.

5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

6. Hợp đồng thuê tài chính: Không phát sinh.

7. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư: Không phát sinh.

8. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:

8.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

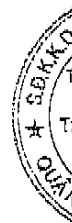
Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

Địa chỉ: G1A, KP4, đường Đồng Khởi, P.Tân Hiệp, TP.Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Quý 4 năm 2009*

8.2 Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ:
Không phát sinh

8.3 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

8.3.1. Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

8.3.2. Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

8.4 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8.5 Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại:

9. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai:

9.1 Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu:

Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

9.2 Nguyên tắc kế toán chi phí triển khai:

Chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi thoả mãn đồng thời các điều kiện để ghi nhận là TSCĐ vô hình.

10. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

10.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

10.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

10.3 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

11. Kế toán các hoạt động liên doanh:

11.1 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát:

102050
CÔNG
SỐNHĨEMI
CH VỤ T
CHÍNH K
VÀ KIỂM
PHÍA N
TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIỆP TIẾN LÊN

Địa chỉ: GIA, KP4, đường Đồng Khởi, P.Tân Hiệp, TP.Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Quý 4 năm 2009*

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

11.2 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

12. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

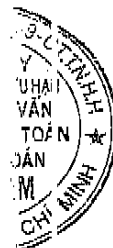
Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

13. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm: không phát sinh**14. Ghi nhận chi phí trả trước:**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

15. Ghi nhận các trái phiếu có thể chuyển đổi: Không phát sinh**16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái: Không phát sinh****17. Nguồn vốn chủ sở hữu:**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

Địa chỉ: G1A, KP4, đường Đồng Khởi, P.Tân Hiệp, TP.Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2009

17.1 Ghi nhận cổ tức:

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

17.2 Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**18.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

18.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

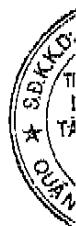
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

18.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Địa chỉ : GIA, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2009

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu kỳ
1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN		
1.1-Tiền mặt	2.609.275.666	20.922.753.116
1.2-Tiền gửi ngân hàng	26.501.440.027	5.797.468.870
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	29.110.715.693	26.720.221.986
2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN		
2.1- Đầu tư ngắn hạn (cổ phiếu)	120.072.674.000	
2.2- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(14.892.599.000)	
Cộng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	105.180.075.000	
3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN		
3.1-Phải thu khách hàng	550.451.553.128	341.366.708.272
3.2-Trả trước cho người bán	75.416.658.913	13.429.660.247
3.3-Các khoản phải thu khác	47.316.233.804	70.001.616.600
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	673.184.445.845	424.797.985.119
4. HÀNG TỒN KHO		
Giá gốc hàng tồn kho	558.896.070.697	462.725.153.396
- Hàng hóa	267.930.998.349	264.830.188.736
- Thành phẩm	23.857.074.990	30.025.950.981
- Nguyên liệu, vật liệu	136.521.182.128	160.891.002.634
- Công cụ, dụng cụ	43.333.201	60.293.389
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.641.985.359	6.917.717.656
- Hàng mua đang đi đường	126.901.496.670	
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	558.896.070.697	462.725.153.396
5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC		
5.1- Chi phí trả trước ngắn hạn	1.410.993.887	1.312.934.573
5.2-Thuế GTGT được khấu trừ		2.232.638.366
5.3- Thuế và các khoản phải thu nhà nước	4.015.981	
- Thuế TNDN nộp thừa	4.015.981	
5.4-Tài sản ngắn hạn khác	9.344.008.217	7.375.183.620
- Ký quỹ ngân hàng Incombank - KCN Biên Hòa	937.417.250	3.193.514.273
- Ký quỹ ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Đồng Nai	5.145.936.295	
- Ký quỹ ngân hàng VIBank- CN Đồng Nai (#159.250 USD)		2.835.924.000
- Ký quỹ ngân hàng Sacombank- CN Gò Vấp (# 69,528.00 USD)		1.238.745.347
- Ký quỹ ngân hàng Công Thương Biên Hòa	1.458.818.672	
- Ký quỹ ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Tân Phú	1.722.336.000	
- Tạm ứng	79.500.000	107.000.000
Cộng tài sản ngắn hạn khác	10.759.018.085	10.920.756.559

Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

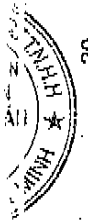
Địa chỉ : GIA, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2009

6. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

KHOẢN MỤC	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
1 Số dư đầu kỳ	31.646.115.660	91.674.536.901	24.201.823.492	1.161.741.067	300.170.503	148.984.387.623
2 Số tăng trong kỳ				15.300.000		15.300.000
- Mua trong kỳ				15.300.000		15.300.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tăng khác						
3 Giảm trong kỳ		8.276.654.855		45.039.400		8.321.694.255
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		8.276.654.855		45.039.400		8.321.694.255
- Giảm khác						
4 Số dư cuối kỳ	31.646.115.660	83.397.882.046	24.201.823.492	1.132.001.667	300.170.503	140.677.993.368
II. Giá trị hao mòn LK						
1 Số dư đầu kỳ	11.966.222.914	34.858.375.284	8.261.790.959	760.009.613	100.867.533	55.947.266.303
2 Tăng trong kỳ	337.026.571	1.879.943.419	1.186.910.021	46.469.447	11.244.603	3.461.594.061
- Khấu hao trong kỳ	337.026.571	1.879.943.419	1.186.910.021	46.469.447	11.244.603	3.461.594.061
- Tăng khác						
3 Giảm trong kỳ		3.923.007.699		45.039.400		3.968.047.099
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		3.923.007.699		45.039.400		3.968.047.099
- Giảm khác						
4 Số dư cuối kỳ	12.303.249.485	32.815.311.004	9.448.700.980	761.439.661	112.112.136	55.440.813.265
III. Giá trị còn lại						
1 Tại ngày đầu kỳ	19.679.892.746	56.816.161.617	15.940.032.533	401.731.454	199.302.970	93.037.121.320
2 Tại ngày cuối kỳ	19.342.866.175	50.582.571.042	14.753.122.512	370.562.006	188.058.367	85.237.180.103



Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Địa chỉ : GIA, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2009

7. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

KHOẢN MỤC	Quyền SD Đất (*)	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
1 Số dư đầu năm	18.125.008.057	28.000.000	18.153.008.057
2 Số tăng trong năm			
Bao gồm:			
- Mua trong kỳ			
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp			
- Tăng do hợp nhất kinh doanh			
- Tăng khác			
3 Giảm trong năm			
Bao gồm:			
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác (*)			
4 Số dư cuối kỳ	18.125.008.057	28.000.000	18.153.008.057
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1 Số dư đầu kỳ	813.009.100	3.499.701	816.508.801
2 Tăng trong kỳ	15.536.847	1.166.606	16.703.453
- Khấu hao trong kỳ	15.536.847	1.166.606	
- Tăng khác			
3 Giảm trong năm			
Bao gồm:			
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác (*)			
4 Số dư cuối năm	828.545.947	4.666.307	833.212.254
III. Giá trị còn lại			
1 Tại ngày đầu năm	17.311.998.957	24.500.299	17.336.499.256
2 Tại ngày cuối năm	17.296.462.110	23.333.693	17.319.795.803



8. CHI PHÍ XDCB DỜ DANG

- Tổng số chi phí XD cơ bản dở dang :

Số cuối năm

Số đầu kỳ

58.414.674.764

3.376.699.764

Trong đó :

Lô đất 9D2 đường C (chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)

3.350.517.946

3.350.517.946

Chi phí khác

164.156.818

26.181.818

Chi phí mua đất (*)

54.900.000.000

Cộng chi phí XDCB dở dang

58.414.674.764

3.376.699.764

Ghi chú (*) : Đây là khoản chi đầu giá 83.665 m2 đất tại Long Thành Tỉnh Đồng Nai (đơn vị đã được giao đất đang chờ cấp giấy CNQSD đất)

Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Địa chỉ : G1A, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2009

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	Số cuối năm	Số đầu kỳ
8.1 Đầu tư vào công ty liên kết	48.000.000.000	48.000.000.000
- Công ty CP Thép Bắc Nam	48.000.000.000	48.000.000.000
8.2 Đầu tư dài hạn khác		7.000.000.000
- Công ty Cổ Phần SXTM Phúc Tiến (700.000 cp)		7.000.000.000
Cộng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	48.000.000.000	55.000.000.000
10. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	Số cuối năm	Số đầu kỳ
10.1 Chi phí trả trước dài hạn	1.654.788.130	1.249.571.265
- Công cụ, dụng cụ	1.654.788.130	1.249.571.265
10.2-Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	352.722.562	7.712.159.729
10.3-Tài sản dài hạn khác - ký quỹ dài hạn	600.000	600.000
- Công ty Cổ phần Tân Tạo (Ký quỹ sử dụng nước)	600.000	600.000
Cộng tài sản dài hạn khác	2.008.110.692	8.962.330.994
11. NỢ NGẮN HẠN	Số cuối năm	Số đầu kỳ
11.1-Vay và nợ ngắn hạn	454.197.347.259	378.147.083.946
- Ngân hàng Công Thương - Chi nhánh KCN Biên Hòa	149.112.493.329	30.056.722.210
- Ngân hàng Công Thương KCN	880.660.897	
- Ngân hàng Công Thương KCN	3.499.565.181	
- Ngân Hàng Vietcombank - Chi nhánh Biên Hòa	23.879.265.935	19.419.168.544
- Ngân Hàng Sacombank - Chi nhánh Đồng Nai	34.711.965.207	78.189.732.544
- Ngân hàng Sacombank CN Đồng Nai	3.261.978.797	
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế	91.687.417.913	12.508.816.725
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín CN. Gò Vấp		36.030.000.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam CN. Sài Gòn	23.936.000.000	5.462.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín CN. Gò Vấp	42.053.000.000	36.262.347.789
- Ngân hàng Công Thương Biên Hòa		93.262.574.013
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Tân Phú	31.355.000.000	66.955.722.121
- Tiền vay ngân hàng - VND		24.719.000.000
- Tiền vay ngân hàng - USD (4,586,351 USD)		42.236.722.121
- Bà Mai Nguyễn Thu	10.000.000.000	
- Bà Mai Nguyễn Hân	19.000.000.000	
- Bà Phạm Thị Nhài	20.820.000.000	
11.2-Phải trả người bán	280.869.805.154	105.490.356.394
11.3-Người mua trả tiền trước	485.125.865	1.989.737.473
11.4-Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	39.954.417.800	20.044.197.987
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu		1.421.795.198
- Thuế GTGT đầu Ra phải nộp	7.139.596.630	48.124.083
- Thuế môn bài		
- Thuế thu nhập cá nhân	27.954.531	10.156.966

0508
 NG T
 HIỆM H
 VỤ TU
 ÍNH KẾ
 GIẾM T
 TIA N
 P. HC

Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Địa chỉ : GIA, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Quý 4 năm 2009*

- Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.125.762.873	17.343.148.401
- Thuế xuất, nhập khẩu	2.661.103.766	1.220.973.339
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.		
11.5-Phải trả người lao động	1.606.764.096	1.169.049.449
11.6-Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	28.386.439.013	17.889.381.844
- Bảo hiểm y tế		4.067.250
- Bảo hiểm thất nghiệp		2.711.500
- Bảo hiểm xã hội	42.107.120	133.500.994
- Kinh phí công đoàn	220.062.360	210.665.100
- Nguyễn Mạnh Hà		9.100.000.000
- Nguyễn Mạnh Hà (tiền thanh toán tiền bảo hiểm xe)		34.489.000
- Phạm Thị Hồng	910.493.533	8.400.000.000
- Tiền ứng hộ bảo lựt chưa nộp		3.948.000
- Cổ tức phải trả	27.213.776.000	
Cộng nợ ngắn hạn	805.499.899.187	524.729.807.093



Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Địa chỉ: GIA, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2009

Đơn vị tính: VND

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

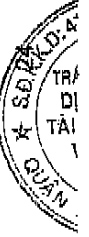
	Vốn chủ sở hữu				
	1	2	3	4	5
Số dư đầu kỳ này	449.530.000.000		21.815.431.550	85.559.544.715	556.904.976.265
Tăng vốn trong kỳ này	90.470.000.000	89.897.709.537			180.367.709.537
Lãi trong kỳ này				63.495.715.397	63.495.715.397
Tăng khác			3.046.510.918	12.662.029.840	15.708.540.758
Giảm vốn trong kỳ này					
Lỗ trong kỳ này			(2.187.843.653)		(2.187.843.653)
Giảm khác			(158.560.278)	(54.000.000.000)	(54.158.560.278)
Số dư cuối năm nay	540.000.000.000	89.897.709.537	22.515.538.537	107.717.289.951	760.130.538.025

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Bà Phạm Thị Hồng
- Ông Nguyễn Mạnh Hà
- Ông Nguyễn Văn Quang
- Các cổ đông khác

Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu kỳ
14,55%	78.594.000.000	103.594.000.000
16,39%	88.499.000.000	113.499.000.000
11,51%	62.150.950.000	92.437.000.000
57,55%	310.756.050.000	140.000.000.000
100%	540.000.000.000	449.530.000.000



Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Địa chỉ : GIA, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2009

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Số kỳ này
Vốn đầu tư của chủ SH	
- Vốn góp đầu năm	449.530.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	90.470.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	
- Vốn góp cuối kỳ	540.000.000.000
d) Các quỹ của doanh nghiệp	35.880.214.451
- Quỹ đầu tư phát triển	
- Quỹ dự phòng tài chính	24.703.382.190
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	11.176.832.261
10. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Số kỳ này
+ Doanh thu bán hàng	800.119.245.184
+ Doanh thu trao đổi dịch vụ	
Cộng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	800.119.245.184
11. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	Số kỳ này
+ Chiết khấu thương mại	
+ Giảm giá hàng bán	11.678.445
Cộng các khoản giảm trừ doanh thu	11.678.445
12. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Số kỳ này
+ Doanh thu thuần trao đổi SP, hàng hóa	800.107.566.739
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	
Cộng doanh thu thuần	800.107.566.739
13. GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Số kỳ này
Giá vốn của hàng hóa đã bán	711.178.583.894
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	
Cộng giá vốn hàng bán	711.178.583.894
14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Số kỳ này
Lãi bán hàng trả chậm	16.686.039
Lãi cho vay	2.162.796.307
Chênh lệch tỷ giá	404.434.388
Lãi tiền gửi	427.277.900
Cổ tức và lợi nhuận được chia	699.000.000
Lãi do kinh doanh chứng khoán	21.058.300.000
Tiền hỗ trợ lãi suất cho vay của ngân hàng	76.740.446
Doanh thu hoạt động tài chính khác	26.757
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	24.845.261.837

2050
 CÔNG
 NHẬN
 H VU T
 HÌNH T
 KIỂM
 PHIA I
 TP. F

Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Địa chỉ : G1A, KP4, đường Đông Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2009

	Số kỳ này
15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	
Lãi tiền vay	6,494,237,697
Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5,229,659,593
Lỗ do KD chứng khoán	7,390,137,174
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	14,892,599,000
Cộng chi phí tài chính	34,006,633,464
16. THU NHẬP KHÁC	
Thu nhập từ tiền bồi thường hợp đồng	1,659,318,250
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	10,346,618,062
Thu nhập khác	834,876,523
Cộng thu nhập khác	12,840,812,835
17. CHI PHÍ KHÁC	
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	5,879,950,910
Chi phí khác	36,992,613
Cộng chi phí khác	5,916,943,523
18. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH	
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	14,144,523,078
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	14,144,523,078

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đỗ Thị Kim Dung

Đỗ Thị Kim Dung

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Đào Thị Kim Loan

Kế Toán Trưởng
ĐÀO THỊ KIM LOAN

Lập, ngày 04 tháng 02 năm 2010

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hồng



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN
Địa chỉ: GIA, KP4, đường Đồng Khởi, P.Tân Hiệp, TP.Biên Hòa, Đồng Nai

*Báo cáo của Ban Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN
Quý 4 năm 2009



Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08). 3.8205.944 – 3.8205.947; Fax: 3.8205.942

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

Địa chỉ: GIA, KP4, đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban giám đốc	03 - 04
Báo cáo Kiểm toán	05
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	06 - 08
Báo cáo kết quả kinh doanh quý 4 năm 2009	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý 4 năm 2009	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho quý 4 năm 2009	11--30

CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
THÉP TIẾN LÊN
HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

Địa chỉ: G1A, KP4, đường Đồng Khởi, P.Tân Hiệp, TP.Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên được chuyển đổi từ công ty TNHH Thép Tiến Lên có chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4702000255 cấp ngày 22 tháng 11 năm 2001 thành công ty cổ phần; Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 3600512830 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 8 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa, vật liệu xây dựng, sắt, thép, nhôm, đồng nguyên liệu, ống nước, thiết bị cấp nước trong nhà, thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế, máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp và phụ tùng thay thế, hàng trang trí nội thất. Môi giới thương mại. Bốc xếp hàng hóa. Vận tải hàng hóa đường bộ. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, thủy lợi. San lấp mặt bằng. Lắp trang thiết bị cho các công trình xây dựng. Gia công cơ khí. Sửa chữa máy nông nghiệp (không bao gồm sửa chữa tại trụ sở). Tư vấn, thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp. Bổ sung: Mua bán ô tô, phụ tùng ô tô. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Kinh doanh bất động sản, kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại cơ sở). Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Kinh doanh khu thương mại - dịch vụ, khu du lịch sinh thái (không kinh doanh tại trụ sở). Đầu tư kinh doanh cầu, cảng, bến bãi, kho bãi, nhà xưởng. Trồng rừng và khai thác rừng trồng. Mua bán, chế biến gỗ (từ nguồn gỗ hợp pháp và không chế biến tại trụ sở)./

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị

- Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Quang	Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Anh Hùng	Ủy viên HĐQT
- Ông Đào Đức Toàn	Ủy viên HĐQT

Ban kiểm soát

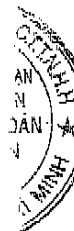
- Bà Trương Thị Thu Hiền	Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Lê Thị Hồng Liễu	Thành viên ban kiểm soát
- Ông Cao Thị Hoài Thu	Thành viên ban kiểm soát

Ban tổng giám đốc

- Bà Phạm Thị Hồng	Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Quang	Phó tổng giám đốc
- Ông Dương Quang Bình	Phó tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Anh Hùng	Phó tổng giám đốc
- Bà Đào Thị Kim Loan	Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.





**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: 38.205.944 - 38.205.947 • Fax: 38.205.142
Email: info@aascs.com.vn • Website: www.aascs.com.vn

Số: H.../BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính quý 4 năm 2009 của Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiên Lên

Kính gửi: - Hội đồng quản trị Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiên Lên
- Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiên Lên

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả kinh doanh quý 4 năm 2009, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý 4 năm 2009 và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 được lập ngày 04 tháng 02 năm 2010 của Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiên Lên từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Chúng tôi xin lưu ý rằng Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiên Lên được chuyển đổi từ công ty TNHH có hai thành viên trở lên thành công ty cổ phần và theo yêu cầu của đơn vị phát hành báo cáo kiểm toán cho quý 4 năm 2009, do đó số liệu liên quan trình bày trên báo cáo kiểm toán này là số liệu của quý 4 năm 2009 (chưa bao gồm số liệu của 9 tháng đầu năm 2009 và số dư đầu kỳ trên báo cáo tài chính là số dư cuối quý 3 năm 2009 cho giai đoạn công ty chưa chuyển đổi).

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiên Lên tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 2 năm 2010

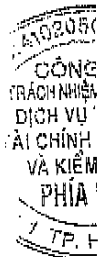
Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)



Đinh Khắc Thanh
Chứng chỉ KTV D0064/KTV

Kiểm toán viên

Đinh Thế Đường
Chứng chỉ KTV 0342/KTV



Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Địa chỉ : GIA, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	T. minh	Số cuối năm	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		713.882.877.625	391.600.783.604
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	22.137.568.815	7.860.384.926
1. Tiền	111		22.137.568.815	7.860.384.926
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2	105.180.075.000	
1. Đầu tư ngắn hạn	121	2.1	120.072.674.000	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129	2.2	(14.892.599.000)	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	3	277.528.969.071	192.028.129.874
1. Phải thu khách hàng	131	3.1	195.374.489.747	119.208.725.387
2. Trả trước cho người bán	132	3.2	1.398.881.907	2.819.404.487
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	3.3	80.755.597.417	70.000.000.000
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140	4	301.871.548.347	185.173.140.557
1. Hàng tồn kho	141	4.1	301.871.548.347	185.173.140.557
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	4.2		
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	5	7.164.716.392	6.539.128.247
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.1	1.001.862.847	402.689.974
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.2	6.162.853.545	6.136.438.273
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		386.339.578.026	339.626.248.832
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		66.183.719.155	12.458.214.784
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	11.257.537.337	12.432.032.966
- Nguyên giá	222		26.308.816.334	26.293.516.334
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(15.051.278.997)	(13.861.483.368)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7	54.926.181.818	26.181.818
III. Bất động sản đầu tư	240			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	8	319.726.500.000	326.726.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	8.1	271.726.500.000	271.726.500.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	8.2	48.000.000.000	48.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	8.3		7.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260	9	429.358.871	441.534.048
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9.1	189.611.014	201.786.191
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	9.2	239.747.857	239.747.857
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.100.222.455.651	731.227.032.436



Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiên Lên

Địa chỉ : GIA, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

NGUỒN VỐN	Mã số	T. minh	Số cuối năm	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		413.489.776.847	235.087.668.424
I. Nợ ngắn hạn	310	10	413.489.776.847	235.087.668.424
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10.1	260.179.305.937	140.174.440.023
2. Phải trả người bán	312	10.2	98.275.891.134	84.137.459.689
3. Người mua trả tiền trước	313	10.3	2.120.794.989	139.557.933
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10.4	24.859.559.980	9.939.118.441
5. Phải trả người lao động	315	10.5	620.386.447	452.518.484
6. Chi phí phải trả	316			
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	10.6	27.433.838.360	244.573.854
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		686.732.678.804	496.139.364.012
I. Vốn chủ sở hữu	410	11	684.969.587.523	494.326.272.731
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		540.000.000.000	449.530.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		89.897.709.537	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(365.400.626)	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.095.422.269	2.253.982.547
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		53.341.856.343	42.542.290.184
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.763.091.281	1.813.091.281
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.763.091.281	1.813.091.281
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.100.222.455.651	731.227.032.436

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiên Lãng

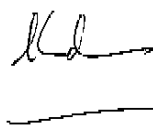
Địa chỉ : G1A, KP4, đường Đông Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu kỳ
1. Tài sản thuê ngoài 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược 4. Nợ khó đòi đã xử lý 5. Ngoại tệ các loại 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		331,313.08	2,024.15

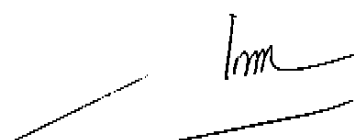
Lập, ngày 04 tháng 02 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

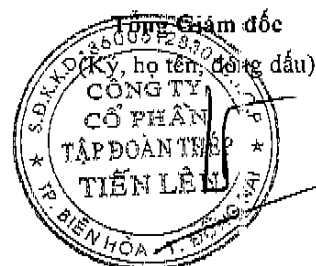


Đỗ Thị Kim Dung

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

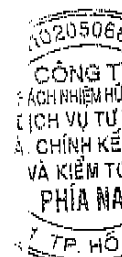


Kế Toán Trưởng
ĐÀO THỊ KIM LOAN



Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thị Hồng



Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Địa chỉ : G1A, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị này
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	12	410,367,774,540
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	13	11,678,445
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	14	410,356,096,095
4. Giá vốn hàng bán	11		365,521,924,305
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		44,834,171,790
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	57,913,961,719
7. Chi phí tài chính	22	16	26,026,579,176
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2,969,760,007
8. Chi phí bán hàng	24		3,276,748,039
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,141,297,656
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		71,303,508,638
11. Thu nhập khác	31		1,847,983,574
12. Chi phí khác	32		1,526,303,754
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		321,679,820
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		71,625,188,458
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	17	6,825,622,299
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		64,799,566,159
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		



Lập, ngày 04 tháng 02 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

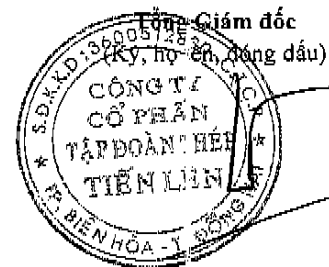
Đỗ Thị Kim Dung

Đỗ Thị Kim Dung

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Đào Thị Kim Loan

Kế Toán Trưởng
ĐÀO THỊ KIM LOAN



Tổng Giám Đốc

Đỗ Thị Hồng

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Địa chỉ : GIA, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	1		71,625,188,458
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	2		1,189,795,629
- Các khoản dự phòng	3		14,892,599,000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(36,081,578,724)
- Chi phí lãi vay	6		2,969,760,007
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		54,595,764,370
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(52,025,586,202)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(116,698,407,790)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		51,571,620,210
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(586,997,696)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2,969,760,007)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(66,113,367,115)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(54,915,300,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(174,600,895,283)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		35,943,420,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		457,552,827
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		193,115,222,456
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu nghiệp đã phát hành	31		180,367,709,537
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		219,082,540,681
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(99,077,674,767)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26,786,224,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		273,586,351,451
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		14,357,761,880
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7,860,384,926
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(80,577,991)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		22,137,568,815

Lập, ngày 04 tháng 02 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Đỗ Thị Kim Duyên

Đỗ Thị Kim Duyên

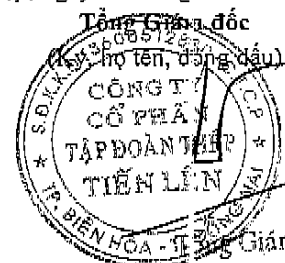
Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Đào Thị Kim Loan

10

Kế Toán Trưởng
ĐÀO THỊ KIM LOAN



Giám Đốc
Nguyễn Thị Hằng

CÔNG TY TNHH TIẾN LÊN

Địa chỉ: GIA, KP 4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2009

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên được chuyển đổi từ công ty TNHH Thép Tiến Lên có chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4702000255 cấp ngày 22 tháng 11 năm 2001 thành công ty cổ phần; Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 3600512830 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 8 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 540.000.000.000 đồng (Năm trăm bốn mươi tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh: Mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa, vật liệu xây dựng, sắt, thép, nhôm, đồng nguyên liệu, ống nước, thiết bị cấp nước trong nhà, thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế, máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp và phụ tùng thay thế, hàng trang trí nội thất. Môi giới thương mại. Bốc xếp hàng hóa. Vận tải hàng hóa đường bộ. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, thủy lợi. San lấp mặt bằng. Lắp trang thiết bị cho các công trình xây dựng. Gia công cơ khí. Sửa chữa máy nông nghiệp (không bao gồm sửa chữa tại trụ sở). Tư vấn, thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp. Bổ sung: Mua bán ô tô, phụ tùng ô tô. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Kinh doanh bất động sản, kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại cơ sở). Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Kinh doanh khu thương mại- dịch vụ, khu du lịch sinh thái (không kinh doanh tại trụ sở). Đầu tư kinh doanh cầu, cảng, bến bãi, kho bãi, nhà xưởng. Trồng rừng và khai thác rừng trồng. Mua bán, chế biến gỗ (từ nguồn gỗ hợp pháp và không chế biến tại trụ sở)./

II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. **Niên độ kế toán** của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III Chế độ kế toán áp dụng:

1. **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. **Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

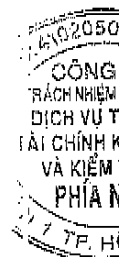
IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. **Nguyên tắc xác định các khoản tiền:** Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

1.1 **Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:** Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2 **Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.



CÔNG TY TNHH TIẾN LÊN

Địa chỉ: GIA, KP 4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Quý 4 năm 2009*

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo quy định hiện hành.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:**2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

2.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân giá quyền theo ngày.

2.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

2.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Không áp dụng lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**3.1 Nguyên tắc ghi nhận:**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2 Lập dự phòng phải thu khó đòi: Không phát sinh.

4. Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng: Không phát sinh.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

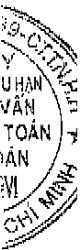
Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế theo giá gốc.

5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

6. Hợp đồng thuê tài chính: Không phát sinh.

7. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư: Không phát sinh.

8. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:



CÔNG TY TNHH TIỀN LÊN

Địa chỉ: GIA, KP 4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Quý 4 năm 2009***8.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

8.2 Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ: Không phát sinh**8.3 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:**

8.3.1. Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

8.3.2. Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

8.4 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

9. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai:**9.1 Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu:**

Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

9.2 Nguyên tắc kế toán chi phí triển khai:

Chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi thoả mãn đồng thời các điều kiện để ghi nhận là TSCĐ vô hình.

10. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:**10.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

10.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:



CÔNG TY TNHH TIẾN LÊN

Địa chỉ: GIA, KP 4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Quý 4 năm 2009*

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

10.3 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

11. Kế toán các hoạt động liên doanh:**11.1 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát:**

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

11.2 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lý kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

12. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

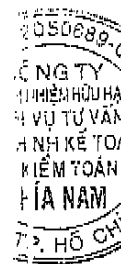
13. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm: không phát sinh**14. Ghi nhận chi phí trả trước:**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;

- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);



CÔNG TY TNHH TIẾN LÊN

Địa chỉ: G1A, KP 4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Quý 4 năm 2009*

- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tài, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

15. Nguồn vốn chủ sở hữu:**15.1 Ghi nhận cổ tức:**

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

15.2 Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**16.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

16.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

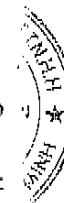
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

16.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiên Lên

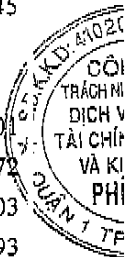
Địa chỉ: G1A, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2009

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN		
1.1-Tiền mặt (VND)	1.608.206.521	4.602.550.263
1.2-Tiền gửi ngân hàng	20.529.362.294	3.257.834.663
a- (VND)	14.585.274.325	3.206.768.066
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - chi nhánh Hưng Yên	1.230.979	1.221.591
Ngân hàng VIETCOMBANK - Khu công nghiệp Biên Hòa		107.332.418
Ngân hàng TMCP Nam Việt	4.298.193	4.271.145
Ngân hàng SGTT - chi nhánh Hà Nội	15.247.355	15.131.053
Ngân hàng VIETCOMBANK P.Giao Dịch Đồng	578.108.528	540.691.396
Ngân hàng Công Thương KCN Biên Hòa	9.954.156.246	977.556.176
Ngân hàng VIETCOMBANK Đồng Nai		16.362.290
Ngân hàng TMCP SGTT chi nhánh Đồng Nai	74.590.979	989.148.105
Ngân hàng TMCP Quốc Tế VN CN Đồng Nai	40.169.843	6.081.388
Ngân hàng Á Châu	436.289.703	307.335.490
Ngân hàng Đông Á	8.582.367	158.287.945
Ngân hàng TM Xuất Nhập Khẩu	6.630.050	
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Đồng Nai	93.776.691	
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương VN_PGD Tam Hiệp	2.762.802	2.844.701
Ngân hàng TMCP Quân Đội_CN Đồng Nai	74.471.680	74.025.272
Ngân hàng SACOMBANK CN Tân Phú	14.709.159	672.903
Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông	157.318.507	5.806.193
Tài khoản đầu tư Chứng khoán	3.122.931.243	
b- (USD)	5.944.087.969	51.066.597
Ngân hàng TMCP Quốc Tế CN ĐN	1.802.712	1.705.335
Ngân hàng TMCP SGTT chi nhánh Ngân hàng Hà Nội	1.908.743	1.804.679
Ngân hàng Ngoại Thương KCN BH		9.123.892
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ĐN	6.623.279	4.598.064
Ngân hàng Ngoại Thương ĐN	5.906.489.015	7.960.632
Ngân hàng Công Thương KCN	10.983.480	10.389.765
Ngân hàng TMCP SGTT chi nhánh Ngân hàng Tân Phú	15.700.887	14.935.954
Ngân hàng Quân Đội	579.853	548.276
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	22.137.568.815	7.860.384.926
2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
2.1- Đầu tư ngắn hạn (cổ phiếu)	120.072.674.000	
2.2- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(14.892.599.000)	
Cộng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	105.180.075.000	



Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiên Lên

Địa chỉ : G1A, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2009

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	Số cuối năm	Số đầu kỳ
3.1-Phải thu khách hàng	195.374.489.747	119.208.725.387
Công ty TNHH An Hưng		84.659.175
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Hoa Lư		200.989.311
Công ty Cổ Phần LILAMA 454	536.165.182	1.305.656.949
Chi Nhánh Công ty CP Kim Khí Hà Nội Tại HCM		745.506.229
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại SMC	1.447.157.992	40.656.002
Công ty CP Công Nghệ Cao (HITECHCO)	271.963.701	950.597.308
Công ty TNHH Nhật Trường Vinh	1.079.723.744	839.576.272
Công ty TNHH Quang Thu	19.648.376.431	15.434.458.086
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Đại Phúc		22.803.731.672
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Bắc Việt	49.280.015	31.520.995
Công ty TNHH Sản Xuất VT TM Đại Trường Thịnh	68.112.342	218.714.601
Công ty TNHH SX & TM Minh Tiến	4.460.590.156	18.160.531.031
Công ty TNHH SX TM Thép Toàn Thiên	149.495.617	204.282.713
Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Ngân Hà		219.563.940
Công ty TNHH Thương Mại An Tùng		198.002.384
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thép Khương Mai	69.264.497	260.560.026
Công ty TNHH Thương Mại Sản Xuất Thiên Phúc Lộ		136.383.459
Công ty TNHH Thương Mại Tân Nghệ An	237.424.827	582.364.964
Công ty TNHH Thương Mại Thép Nam Việt	1.753.157.473	88.559.415
Công ty TNHH TM DV VINA Hoàng Dũng	1.349.898.398	2.595.621.520
Công ty TNHH TM SX Cơ Khí Quốc Thanh	895.540.024	1.101.153.378
Công ty TNHH TM SX DV Lê Hoàng Minh	49.979.981	93.312.619
Công ty TNHH TM Thép Việt Kim	2.165.800.305	3.095.703
Công ty TNHH TM XD Khai Cường	379.906.457	1.386.953.178
Doanh nghiệp tư nhân Đại Ngọc Đức	435.974.975	402.574.596
Doanh nghiệp tư nhân Thương Mại Gia Công ST Nam Trung	131.276.191	340.137.291
Doanh nghiệp tư nhân Thương Mại Hoàng Diệu	904.520.549	185.560.066
Doanh nghiệp tư nhân Thương Mại Sơn Quốc	153.882.922	842.575.730
Công ty TNHH TM DV Đỗ Nga	195.755.322	196.141.415
Công ty TNHH An Mỹ	300.795.187	249.135.865
Công ty TNHH SX & TM Thép Ngọc phát	283.736.224	736.539.870
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoàng Mã	1.020.671.787	77.790.165
Doanh nghiệp tư nhân XD & TM Thanh Thái Thịnh	139.336.928	285.924.444
Doanh nghiệp tư nhân Bình Phước	37.981.437	2.897.997
Công ty TNHH Một Thành Viên SMC Bình Dương	794.670.786	619.356.565
Công ty TNHH Thép Đình Nguyễn		643.242.517

8889-G
 CÔNG TY
 THƯƠNG MẠI
 DỊCH VỤ
 TƯ VẤN
 KẾ TOÁN
 TOÀN
 NAM
 HỒ CHÍ

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Địa chỉ : GIA, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Quý 4 năm 2009*

Doanh nghiệp tư nhân TM DV Minh Mai	211.481.431	421.614.051
Doanh nghiệp tư nhân Đài Nam	77.885.371	607.766.429
Công ty TNHH Thép Minh Quân		354.062.252
Công ty TNHH TM DV Cơ Khí Đại Thắng		1.482.624.148
Công ty TNHH TM DV KHải Hoàn	1.285.479.738	1.459.804.499
Công ty TNHH TM Tam Phúc Thành	1.241.315.045	10.663.784.796
Công ty TNHH TM DV XD Gia Ngân	333.684.270	4.491.427
Công ty TNHH Phụng Tiên		37.290.473
Công ty TNHH TM Quang Thịnh		40.800.375
Công ty TNHH TM Thép Xanh	32.079.566	46.944.014
Công ty Cổ Phần Lê Việt		74.235.067
Doanh nghiệp tư nhân Phước Bình		85.288.531
Công ty CP Đóng Mối & Sửa Chữa Tàu Biển Chìm ụng	86.210.403	86.210.403
Doanh nghiệp tư nhân Châu Ngọc Quyên	178.048.331	88.121.505
Công ty TNHH XD Võ Đắc	439.321.028	95.682.537
Công ty TNHH Năm Bình		131.999.970
Trung Tâm TM VLXD Chi Nhánh Công ty CP Xây Lắp Thươ	86.023.365	133.390.561
Trường Trung Học PTTH Nguyễn Khuyến		188.800.199
Công ty Cổ Phần Thép Hưng Thịnh	267.665.933	250.730.400
Công ty TNHH Huy Thiện	793.416.177	300.020.833
Công ty TNHH Vàng Bạc Đá Quý Ngọc Phát		311.771.325
Công ty Cổ Phần CK TV XD DV Minh Việt Sơn	113.019.747	315.796.111
Công ty TNHH TM DV Cơ Khí Tuấn Phát		320.826.313
Công ty TNHH TMDV An Ngọc Phát	496.480.749	333.721.306
Công ty TNHH Một Thành Viên SX ÔTÔ CD Trường Hải	599.724.303	554.394.023
Công ty TNHH MTV SX & KD Thép Chu Lai Trường Hải	1.104.497.979	1.004.812.753
Công ty Cổ Phần Thép Bắc Nam	110.859.649.703	27.545.413.635
Doanh nghiệp tư nhân Thương Mại Sản Xuất Hoa Biển	10.079.999	
Công ty TNHH Thương Mại Dũng Hải	11.449.004	
Công ty TNHH XL Dương Hải Ngân	15.854.159	
Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thép Đại Nam	23.120.996	
Doanh nghiệp tư nhân Đạt Thịnh Phát	25.240.680	
Công ty TNHH TM Thép Trường Huy	25.434.069	
Doanh nghiệp tư nhân Nam Thịnh	64.321.496	
Công ty TNHH Huệ Nghi	64.374.239	
DNTM & DV VT Anh Quân	64.686.231	
Công ty TNHH Cơ Khí & Xây Dựng Thái Hưng Thịnh	73.405.363	
Công ty TNHH MTV CK & XD Thủy Nguyên II	87.707.977	
Công ty TNHH Vũ Hoàn Mỹ	100.703.991	

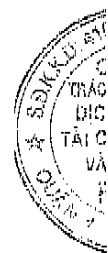
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Địa chỉ : G1A, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2009

Công ty TNHH Vận Tải Thương Mại Sản Xuất Trung Nam	126.308.953	
Công Ty Cổ Phần Thép Kim Khang	131.182.931	
Công ty TNHH Thép SMC	148.053.837	
Doanh nghiệp tư nhân Thương Mại Dịch Vụ Sáu Nốp	152.417.982	
Công ty TNHH TM DV Đức Toàn Thắng	200.431.769	
Công ty CP Thép Quang Tiến	210.744.418	
Công ty TNHH Cơ Khí Công Nghiệp Sài Gòn	315.345.016	
Công ty TNHH Bê Tông Tiên Phong	946.863.512	
Công ty CP SX Thương Mại Tân Huy Long	1.353.625.322	
Công ty TNHH Thương Mại Sản Xuất Thiên Phúc Lộc	1.498.613.029	
CN Công ty CP Chứng Khoán QUỐC TẾ VN TẠI TP HCM	1.606.051.309	
Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Phúc Tiến	30.902.050.876	
3.2 Trã trước cho người bán	1.398.881.907	2.819.404.487
XN bán lẻ XD_Công Ty Xăng Dầu KV II	6.013.240	7.070.280
Công ty Phần Mềm Tài Chính Kế Toán (FAST)_VP TPHCM		11.500.000
Công ty TNHH Tư vấn quản lý I.M.C.C	22.500.000	22.500.000
Công ty CP Bắc Hà Miền Trung		25.000.000
Công ty TNHH DV T.Vấn TCKT&K.Toán Phía Nam (AASCS)		30.000.000
Công ty TNHH TM & XD Tiến Đạt		32.667.796
AGZI LCT Joint Venture Law Firm		37.819.818
Công ty CP ĐT và XD Việt Kiến Minh	160.000.000	40.000.000
CN Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng_XN Xếp Hoàng Diệu		78.473.775
Công ty CP Thủy Sản		117.000.000
Công ty CP Truyền Thông và Sự kiện Đan Nguyên		137.550.000
Salzgitter Mannesmann International(ASIA)Pte Ltd		2.279.822.818
Công ty TNHH MTV ý Tưởng Hợp Nhất	8.500.000	
Công ty TNHH SX Phim Việt	10.650.000	
Công ty TNHH Truyền Thông ánh Sáng Việt	11.550.000	
Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Nga	44.775.000	
Công ty TNHH Phim Cứu Long	55.000.000	
Asia Export	843.227.000	
Công ty TNHH TM Thu Hào	236.666.667	
3.3-Các khoản phải thu khác	80.755.597.417	70.000.000.000
Thuế TNCN	7.850.615	
Công ty Bắc Hà		70.000.000.000
Bùi Văn Cường	26.563.169	
Cao Thị Hoài Thu	562.508.214	
Cao Thị Thảo HIỀN	67.767.259	
Cao Tiến Dũng	5.761.087	



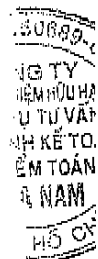
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Địa chỉ : GIA, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2009

Cao Tất Bình	23.189.410
Chung Quốc Dũng	8.135.981
Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Phúc Tiến	4.679.833.333
Công ty Cổ Phần Thép Bắc Nam	27.618.000.000
Dư Thùy Linh	87.180.000
Dương Anh Vũ	8.943.745
Dương Quang Bình	348.938.427
Hoàng Minh Túy	137.093.839
Hoàng Quốc Văn	9.151.424
Hoàng Văn Bích	8.243.742
Hoàng Đăng Minh	12.972.807
Hà Văn Xứng	8.194.006
Hồ Thị Thơ	13.897.067
Khuông Văn Hoàn	683.870
Lê Anh Tuấn	270.601.424
Lê Hồng Phong	165.524.000
Lê Minh Quát	24.387.219
Lê Thị Hồng Liễu	510.000.000
Lê Thị Sen	174.110.502
Lê Thị Thanh	217.950.000
Lê Thị Vinh	25.075.233
Lê Trung Hào	205.372.000
Lê Trọng Hùng	11.609.211
Lê Văn Chính	174.360.000
Lê Văn Diễm	35.831.093
Lê Văn Hùng	5.462.671
Lê Văn Khánh	8.194.006
Lê Văn Trọng	297.500.000
Lê Văn Định	5.462.671
Lê Vũ Linh	9.217.739
Lê Xuân Nghĩa	14.597.516
Lê Xuân Sắc	19.048.888
Lê Xuân Đáng	412.062.941
Lương Thị Hiến	19.931.702
Ma Văn Oánh	34.084.741
Mai Văn Xuân	19.881.966
Nguyễn Văn Hưng	679.725
Nguyễn Anh Hùng	736.333.552
Nguyễn Bá Khải	4.807.813



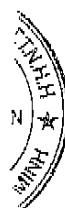
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Địa chỉ : GIA, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2009

Nguyễn Bá Phương	12.718.160
Nguyễn Dung	28.851.025
Nguyễn Hiệp Hiệp	28.046.959
Nguyễn Huy Quyền	339.863
Nguyễn Huy Toàn	12.632.944
Nguyễn Huy Trung	199.422.799
Nguyễn Ngọc Hà	9.491.287
Nguyễn Ngọc Tín	522.000.000
Nguyễn Quang Biên	435.952.193
Nguyễn Quang Huy	4.745.643
Nguyễn Quốc Thắng	14.916.655
Nguyễn Thanh Minh	41.684.727
Nguyễn Thân Hùng	11.866.181
Nguyễn Thế Quyền	1.715.892
Nguyễn Thị Hiền	11.575.604
Nguyễn thị Hương	9.302.997
Nguyễn Thị Hải Yến	87.868.015
Nguyễn Thị Hồng Thương	22.033.048
Nguyễn Thị Lãm	20.955.435
Nguyễn Thị Lệ Thắm	435.893.562
Nguyễn Thị Quỳnh Giao	425.000.000
Nguyễn Thị Tâm	5.761.087
Nguyễn Việt Văn	522.774.000
Nguyễn Văn Bá	8.194.006
Nguyễn Văn Chính	29.855.813
Nguyễn Văn Dược	22.542.842
Nguyễn Văn Huyện	13.528.192
Nguyễn Văn Hòa	5.462.671
Nguyễn Văn Khanh	409.618.759
Nguyễn Văn Thu	522.000.000
Nguyễn Văn Thư	112.939.537
Nguyễn Văn Thành	93.759.125
Nguyễn Văn Thắng	217.950.000
Nguyễn Văn Thọ	1.707.603
Nguyễn Văn Thúy	106.448.010
Nguyễn Văn Tuấn	34.695.005
Nguyễn Văn Tuấn	16.487.484
Nguyễn Văn Tuấn	23.251.580
Nguyễn Văn Đợi	4.778.801



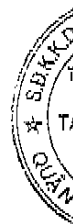
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Địa chỉ : GIA, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2009

Nguyễn Đức Dư	38.470.796
Ngô Minh Phú	26.641.917
Ngô Quang Chính	27.731.965
Ngô Thị Hồng Vân	481.549.920
Ngô Tiến Mạnh	1.363.595
Ngô Văn Duy	1.023.733
Nông Hải Phụng	207.646.764
Phan Thanh Dũng	87.180.000
Phan Văn Bội	20.727.478
Phạm Duy Vương	23.906.437
Phạm Minh Tuấn	218.804.820
Phạm Minh Đức	707.945.649
Phạm Mạnh Hà	8.587.749
Phạm Ngọc Sinh	331.130.484
Phạm Thanh Lân	12.632.944
Phạm Thanh Phong	175.188.750
Phạm Thị Nhung	20.267.420
Phạm Thị Nhài	6.672.010
Phạm Trung Tuyển	474.103.201
Phạm Văn Bình	339.863
Phạm Văn Hoàng	19.048.888
Phạm Văn Sao	19.956.570
Phạm Văn Sơn	190.868.207
Phạm Văn Tâm	174.434.282
Tiêu Hà Đông	174.192.217
Tiêu Văn Đàm	339.863
Trương Ngọc Anh	29.883.047
Trương Thiên Vân	13.561.349
Trương Văn Đình	15.459.607
Trần Duy Tân	25.340.492
Trần Hồng Phong	475.535.447
Trần Mạnh Tấn	683.870
Trần nguyên Thịnh	19.459.210
Trần Thị Tý	9.619.771
Trần Văn Doanh	174.360.000
Trần Văn Dương	7.211.720
Trần Văn Học	199.895.291
Trần Văn Mạnh	15.459.607
Trần Văn Quang	9.959.634



Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Địa chỉ : GIA, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2009

Trần Văn Tập	176.326.410	
Tạ Quang Đoàn	29.190.887	
Vũ Thị Bốn	19.222.964	
Vũ Xuân Xinh	18.128.772	
Đinh Thị Trang	5.495.828	
Đinh Văn Tâm	54.274.410	
Đàm Quốc Thế	27.143.422	
Đàm Thế Vinh	11.866.181	
Đào Cao Cường	14.083.577	
Đào Duy Cường	114.518.061	
Đào Thị Kim Loan	261.968.160	
Đặng Thụy Quỳnh Vi	86.847.336	
Đặng Tuấn Đại	507.932.000	
Đặng Văn Đông	7.899.735	
Công ty TNHH Thép Tây Nguyên	33.447.752.995	
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	277.528.969.071	192.028.129.874
4. HÀNG TỒN KHO	Số cuối năm	Số đầu kỳ
4.1- Giá gốc hàng tồn kho	301.871.548.347	195.173.140.557
- Nguyên liệu, vật liệu	1.243.900.906	1.312.478.872
- Chi phí SX KD DD	1.661.595.616	4.590.409.570
-Hàng hóa	175.290.635.661	79.270.252.115
-Hàng mua đang đi đường	123.675.416.164	
4.2-Dự phòng giảm giá hàng tồn kho(*)		
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	301.871.548.347	195.173.140.557
5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	Số cuối năm	Số đầu kỳ
5.1- Chi phí trả trước ngắn hạn	1.001.862.847	402.689.974
5.2-Tài sản ngắn hạn khác(các khoản ký quỹ)	6.162.853.545	6.136.438.273
Ký quỹ NH INCOMBANK KCN BH	937.417.250	3.193.514.273
Ký quỹ NH_VIBANK CN DONG NAI		2.835.924.000
Ký quỹ NH_SACOMBANK DONG NAI	5.145.936.295	
Tạm ứng	79.500.000	107.000.000
Cộng tài sản ngắn hạn khác	7.164.716.392	6.539.128.247

020506
 CÔNG T
 CHNHIEMH
 CH VỤ TU
 CHÍNH KẾ
 KIỂM T
 PHÍA NA
 TP. HỒ

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Địa chỉ : GIA, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

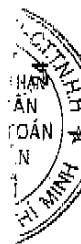
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2009

Đơn vị tính: VND

6. TẶNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

KHOẢN MỤC	Máy móc thiết bị	Nhà cửa vật kiến trúc	Thiết bị dụng cụ QL	Phương tiện vận tải, TD	TSCĐHH khác	Tổng Cộng
I. Nguyên giá						
1 Số dư đầu kỳ	5.089.635.193	4.477.943.492	452.644.731	16.009.422.415	263.870.503	26.293.516.334
2 Số tăng trong kỳ			15.300.000			15.300.000
- Mua trong kỳ			15.300.000			15.300.000
- Đầu tư XD CB hoàn thành						
- Tặng khác						
3 Giảm trong kỳ						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giám khác						
4 Số dư cuối năm	5.089.635.193	4.477.943.492	467.944.731	16.009.422.415	263.870.503	26.308.816.334
II. Giá trị hao mòn LK						
1 Số dư đầu kỳ	3.327.671.302	3.710.174.135	184.636.229	6.572.517.474	66.484.228	13.861.483.368
2 Số tăng trong kỳ	160.916.449	28.846.626	27.515.123	961.522.827	10.994.604	1.189.795.629
- Khấu hao trong kỳ	160.916.449	28.846.626	27.515.123	961.522.827	10.994.604	1.189.795.629
- Tặng khác						
3 Giảm trong kỳ						
Bao gồm:						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giám khác						
4 Số dư cuối năm	3.488.587.751	3.739.020.761	212.151.352	7.534.040.301	77.478.832	15.051.278.997
III. Giá trị còn lại						
1 Tại ngày đầu kỳ	1.761.963.891	767.769.357	268.008.502	9.436.904.941	197.386.275	12.432.032.966
2 Tại ngày cuối năm	1.601.047.442	738.922.731	255.793.379	8.475.382.114	186.391.671	11.257.537.337



Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Địa chỉ : GIA, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2009

7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG	Số cuối năm	Số đầu kỳ
- Chi phí đất (*)	54.900.000.000	
- Chi phí XD/CB dở dang khác	26.181.818	26.181.818
Cộng chi phí xây dựng cơ bản dở dang	54.926.181.818	26.181.818
Ghi chú (*) : Đây là khoản chi đầu giá 83.665 m ² đất tại Long Thành Tỉnh Đồng Nai (đơn vị đã được giao đất đang chờ cấp giấy CNQSD đất)		
8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	Số cuối năm	Số đầu kỳ
8.1 Đầu tư vào công ty con	271.726.500.000	271.726.500.000
- Đầu tư vào công ty Đại Phúc	115.000.000.000	115.000.000.000
- Đầu tư vào công ty Tây Nguyên	156.726.500.000	156.726.500.000
8.2 Đầu tư vào công ty liên kết (Công ty CP Thép Bắc Nam)	48.000.000.000	48.000.000.000
8.3 Đầu tư dài hạn khác (700.000 cp của Công ty CPSXTM Phúc Tiến)		7.000.000.000
Cộng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	319.726.500.000	26.726.500.000
9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	Số cuối năm	Số đầu kỳ
9.1 Chi phí trả trước dài hạn	189.611.014	201.786.191
- Công cụ, dụng cụ		201.786.191
9.2-Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	239.747.857	239.747.857
Cộng tài sản dài hạn khác	429.358.871	441.534.048
10. NỢ NGẮN HẠN	Số cuối năm	Số đầu kỳ
10.1-Vay và nợ ngắn hạn	260.179.305.937	40.174.440.023
NH Công Thương KCN (VND)	53.319.112.904	30.056.722.210
NH VIETCOMBANK_CN Biên Hòa(VNĐ)	23.879.265.935	19.419.168.544
NH SACOMBANK_CN Đồng Nai (VND)	34.711.965.207	78.189.732.544
NH TMCP Quốc Tế VN-VIB Bank(VNĐ)	91.687.417.913	12.508.816.725
Bà Mai Nguyễn Thu	10.000.000.000	
Bà Mai Nguyễn Hân	19.000.000.000	
Bà Phạm Thị Nhài	20.820.000.000	
NH Công Thương KCN (USD)	3.499.565.181	
NH SACOMBANK_CN ĐN (USD)	3.261.978.797	
10.2-Phải trả người bán	98.275.891.134	84.137.459.689
Bảo Minh Đồng Nai (Tổng Công ty CP Bảo Minh)		1.134.000
Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ Nhật Việt.S	10.000.000	10.000.000
Trạm Xăng Dầu Ngã Ba Vũng tàu Công ty Tin Nghĩa	19.197.500	16.406.500

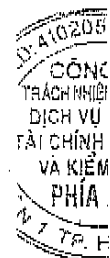
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Địa chỉ : G1A, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2009

Công ty TNHH GNVN Trường Vinh	102.000.000	102.000.000
Công ty Cổ Phần KT & PT KV Tân Tạo	238.126.752	121.805.812
Công ty TNHH Một Thành Viên Cảng Bến Nghé		172.983.395
Công ty Cổ Phần Thương Mại & VT Đông Đô	137.221.410	173.350.800
Công ty TNHH Thép Tây Nguyên		6.622.264.657
Công ty Cổ Phần Sản Xuất & TM Phúc Tiến Vĩnh Phúc	48.027.554.077	21.467.622.706
Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Phúc Tiến		27.485.010.223
Công ty TNHH SX & TM Phúc Tiến Hưng Yên	38.629.994.121	27.964.881.596
Công ty SX SP Điện TM Tự Động TNHH	1.775.000	
Công ty TNHH TM DV Kỹ Thuật Ngọc Vạn	2.765.000	
Công ty TNHH In Phúc Thịnh Hòa	3.255.000	
Báo Đầu Tư	13.200.000	
Công ty TNHH Một Thành Viên SX ÔTÔ CD Trường Hải	22.384.000	
Cơ Sở VLXD Phú Vinh	24.319.155	
Công ty CP Tài Việt	27.500.000	
Công ty CP Hàng Hải Bông Sen	47.504.147	
Công ty TNHH XD & VT Hoàng Dương	69.196.627	
Công ty TNHH TM VT & XD Tân Hiệp Hòa	69.199.619	
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng và Vật Liệu Đồng Nai	99.550.000	
Công ty Cổ Phần Kim Khí TP.HCM - XN 5	127.838.298	
Công ty TNHH MTV Vận Tải Đại Tiến Đạt	164.972.000	
Công ty TNHH TM Thép Trường Huy	167.186.234	
Công ty TNHH MTV Cảng Sài Gòn_Cảng Tân Thuận	174.458.200	
Công ty TNHH Hoàn Cầu	187.806.976	
Cảng Cá Hạ Long	227.319.275	
Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thép Đại Nam	430.673.940	
Công ty TNHH BAW HENG STEEL (VIET NAM)	525.052.880	
Công ty Cổ Phần Thương Mại Thép An Khánh	2.603.202.724	
CN Công ty CP Chứng Khoán Quốc Tế VN Tại TP HCM	2.950.529.165	
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Đại Phúc	3.172.109.034	
10.3-Người mua trả tiền trước	2.120.794.989	139.557.933
Doanh nghiệp tư nhân TM SX Vi Văn		15.000.000
Cung ty TNHH XL Dương Hải Ngân		24.557.933
Cung ty Cổ Phần Thép Đặc Biệt PROVISION	100.000.000	100.000.000
Cung ty TNHH SX & Lắp ráp ô tô Chu Lai Trường Hải	12.262.367	
Cung ty TNHH Thép Tây Nguyên	1.899.554.496	



Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Địa chỉ : GIA, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2009

Công ty TNHH TM DV Cơ Khí Đại Thăng	108.978.126	
10.4-Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	24.859.559.980	9.939.118.441
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	6.215.782.944	48.124.083
Thuế xuất, nhập khẩu		148.802.197
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.560.747.664	9.735.125.365
Thuế thu nhập cá nhân	23.610.811	7.066.796
Thuế nhập khẩu	2.059.418.561	
<p>Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.</p>		
10.5-Phải trả người lao động	620.386.447	452.518.484
10.6-Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	27.433.838.360	244.573.854
Cổ tức phải trả	27.213.776.000	
Kinh phí công đoàn	220.062.360	210.665.100
Bảo hiểm xã hội		27.130.004
Bảo hiểm y tế		4.067.250
Bảo hiểm thất nghiệp		2.711.500
Cộng nợ ngắn hạn	413.489.776.847	235.087.668.424



Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên
Địa chỉ: G1A, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2009

Đơn vị tính: VND

II. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Vốn khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu kỳ này	449.530.000.000			2.253.982.547	42.542.290.184	494.326.272.731
Tăng vốn trong kỳ này	90.470.000.000	89.897.709.537				180.367.709.537
Lãi trong kỳ này					64.799.566.159	64.799.566.159
Tăng khác			(365.400.626)			(365.400.626)
Giảm vốn trong kỳ này				(158.560.278,00)	(54.000.000.000)	(54.158.560.278)
Lỗ trong năm nay				2.095.422.269	53.341.856.343	684.969.587.523
Giảm khác						
Số dư cuối năm nay	540.000.000.000	89.897.709.537	(365.400.626)			

28 SĐKK
QUẾ

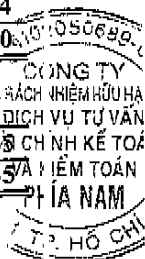
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Địa chỉ : GIA, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2009

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu kỳ
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu			
- Bà Phạm Thị Hồng	14,55%	78.594.000.000	103.594.000.000
- Ông Nguyễn Mạnh Hà	16,39%	88.499.000.000	113.499.000.000
- Ông Nguyễn Văn Quang	11,51%	62.150.950.000	92.437.000.000
- Các cổ đông khác	57,55%	310.756.050.000	1.000.000.000
Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu	100%	540.000.000.000	449.530.000.000
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận			Số kỳ này
Vốn đầu tư của chủ SH			449.530.000.000
- Vốn góp đầu năm			90.470.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ			
- Vốn góp giảm trong kỳ			
- Vốn góp cuối năm			540.000.000.000
12. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ			Kỳ này
+ Doanh thu bán hàng			373.597.198.696
+ Doanh thu XD			36.770.575.844
Cộng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			410.367.774.540
13. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU			Kỳ này
+ Giảm giá hàng bán			11.678.445
Cộng các khoản giảm trừ			11.678.445
14. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ			Kỳ này
+ Doanh thu thuần trao đổi SP, hàng hóa			73.585.520.251
+ Doanh thu XD			36.770.575.844
Cộng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ			110.356.096.095
15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			Kỳ này
Lãi tiền cho vay			2.162.796.307
Lãi tiền gửi			336.854.731
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện			202.272.441
Cổ tức và lợi nhuận được chia			34.146.752.995
Lãi do kinh doanh chứng khoán			21.058.300.000
Lãi bán hàng trả chậm			6.985.245
Cộng doanh thu hoạt động tài chính			57.913.961.719
16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			Kỳ này
Lãi tiền vay			2.969.760.007
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện			774.082.995
Lỗ do kinh doanh chứng khoán			7.390.137.174
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			14.892.599.000
Cộng chi phí tài chính			26.026.579.176



Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Địa chỉ : G1A, KP4, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2009

17. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành

Kỳ này

6,825,622,299

6,825,622,299

18. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ

Chi tiêu

Kỳ này

a- Tổng lợi nhuận trước thuế	71,625,188,458
b- Các khoản điều chỉnh tăng	1,525,120,531
- Chi phí không hợp lệ	1,525,120,531
c- Các khoản điều chỉnh giảm	34,146,752,995
d- Tổng thu nhập chịu thuế (d=a+b-c)	39,003,555,994
e- Thuế TNDN phải nộp	9,750,888,999
f- Thuế TNDN được miễn giảm theo	2,925,266,700
g- Lợi nhuận sau thuế TNDN (g=a-e+f)	64,799,566,159

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

ĐD

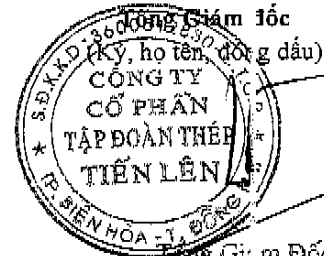
Đào Thị Kim Dung

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

lmm

Kế Toán Trưởng
ĐÀO THỊ KIM LOAN

Lập, ngày 04 tháng 02 năm 2010



Trưởng Giám Đốc
Phạm Thị Hồng